

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT
của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 01/7/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM của dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 55/CV-QSP ngày 27/6/2022 của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 630/TTr-STNMT ngày 03/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT (sau đây gọi là Dự án) tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án tại trụ sở UBND phường Hải Cảng theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Trước khi triển khai thi công Dự án, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo các cơ quan chức năng (Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND phường Hải Cảng, Ban Quản lý Cảng cá Bình Định) để có kế hoạch theo dõi, giám sát.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại kinh tế, môi trường do quá trình triển khai Dự án gây ra.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 534/QĐ-CTUBND ngày 09/3/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Hải Cảng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CẦU CẢNG CONTAINER
30.000DWT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

1.3. Địa chỉ: số 03 Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Địa điểm thực hiện: phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.5. Quy mô, công suất: diện tích khoảng 121.560 m² (trong đó: diện tích công trình trên cạn 51.575 m², diện tích mặt nước là 69.985 m²), 01 cầu cảng liền bờ diện tích 7.400 m² tiếp nhận tàu container trọng tải đến 30.000DWT.

1.6. Các hạng mục công trình chính:

- Các hạng mục công trình đã xây dựng: cầu cảng liền bờ diện tích 7.400 m² tiếp nhận tàu container trọng tải đến 30.000DWT, kè sau cầu dài 240 m và 01 trụ sau cầu.

- Các hạng mục xây dựng mới: bãi sau cầu, kho bãi, kè bảo vệ bờ, nhà điều hành và các công trình phụ trợ. Một số hạng mục thực hiện như sau:

+ Nạo vét khu nước sau cầu, diện tích 8.115,91 m², khối lượng nạo vét khoảng 44.000 m³, san lấp mặt nước, diện tích 69.985 m².

+ Xây dựng kè bao vây trước khi san lấp, chiều dài 793 m.

+ Xây dựng đường bãi, kho hàng, nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ.

1.7. Phương án thi công:

- Phương án nạo vét: Máy đào gàu dây (công suất 2,3 m³) → sà lan 250 tấn, tàu kéo (có gắn thiết bị định tự động) → bơm bằng tuyến ống dài 1,5 km → phun lên bãi tiếp nhận của dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

- Phương án thi công kè bao vây: đóng cọc cừ thử → thi công đúc cọc cừ đại trà → thi công đóng cọc bằng tàu đóng cọc → đổ đá học trước cừ → lắp đặt bản neo → đổ đá học, san lấp trong kè → thi công cốt thép, đầm mũ.

- Phương án san lấp: nguyên liệu (cát san nền) → sà lan 250 tấn → đưa cát bằng máy đào lên mặt bằng, vận chuyển đến các khu vực san lấp → san gạt hoàn thiện bề mặt bằng máy ủi.

1.8. Thời gian thi công:

- Thời gian nạo vét: 3 tháng (dự kiến từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023); thời gian nạo vét trong ngày từ 7h00 đến 18h00; tần suất vận chuyển chất nạo vét 8 chuyến sà lan/ngày.

- Thời gian thi công kè bao vây: khoảng 3 tháng (dự kiến từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023); thời gian thi công trong ngày từ 7h00 đến 18h00.

- Thời gian thi công san lấp: khoảng 3 tháng (dự kiến từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2023); thời gian thi công trong ngày từ 7h00 đến 18h00; tần suất vận chuyển vật liệu san lấp khoảng 22 chuyến sà lan/ngày.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước rỉ từ bãi đổ chất nạo vét; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải rắn từ quá trình nạo vét; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công; bùn cát từ quá trình nạo vét phát tán chất rắn lơ lửng gây đục nguồn nước.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ quá trình bốc dỡ hàng hóa, phương tiện giao thông.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 2,16 m³/ngày.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 8,09 m³/ngày.

- Tính chất nước thải: có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: bụi, khí thải phát sinh trong quá trình xây dựng, vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị, chất nạo vét đến nơi đổ chất nạo vét; tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị trong quá trình thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ quá trình bốc xếp hàng hóa các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) công nghiệp thông thường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 30 kg/ngày.

+ Chất nạo vét từ quá trình nạo vét khu nước sau bến phát sinh với khối lượng khoảng 44.000 m³.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 287 kg/ngày.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: gồm bao bì, thùng carton, giấy vụn, pallet gỗ,... với khối lượng phát sinh với khối lượng khoảng 2,53 tấn/năm.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH):

- Giai đoạn thi công, xây dựng: phát sinh với khối lượng khoảng 50 kg/tháng, gồm: giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, dung môi thải,...

- Giai đoạn hoạt động: tổng khối lượng phát sinh khoảng 324 kg/năm, gồm: giẻ lau, vải, găng tay dính dầu khoảng 96 kg/năm, dầu nhớt thải khoảng 48 kg/năm, bóng đèn huỳnh quang khoảng 42 kg/năm, hộp mực in khoảng 6 kg/năm, pin, ắc quy, chì thải khoảng 24 kg/năm, bao bì thải khoảng 108 kg/năm,...

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng 02 nhà vệ sinh đã có của cảng Quy Nhơn, cách khu vực dự án khoảng 100 m về phía Bắc.

- Trong quá trình vận chuyển chất nạo vét, không để nước có lẫn chất thải rắn lơ lửng từ sà lan rơi vãi xuống tuyến luồng vận chuyển. Thực hiện quy định về bảo vệ môi trường (che chắn, không để rò rỉ nước) trong quá trình vận chuyển vật liệu san lấp từ nơi khác về san lấp dự án.

- Nước rò rỉ từ bãi đổ thải chất nạo vét: quy trình thu gom, xử lý được thực hiện theo yêu cầu của Chủ dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (báo cáo ĐTM dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4265/QĐ-UBND ngày 22/10/2021).

b) Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 30 m³ tại khu vực nhà văn phòng, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Cảng Quy Nhơn, tọa độ điểm đầu nối: 1524108; 634612 (xây dựng mới).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Lắp đặt thiết bị định vị tự động trên sà lan vận chuyển chất nạo vét để theo dõi giám sát.

- Vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, có bạt phủ kín tránh rơi vãi.

b) Giai đoạn hoạt động:

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân bãi, bến cảng.
- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh máy, định kỳ bảo dưỡng thiết bị máy móc bốc xếp hàng hóa.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ CTR sinh hoạt: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực nghỉ ngơi, trên phương tiện nạo vét để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

+ CTNH: bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che) để lưu chứa các loại chất thải nguy hại và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động:

+ CTR sinh hoạt: bố trí khu vực lưu chứa có diện tích 20m² tại phía Tây Nam dự án (xây dựng mới).

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: bố trí khu vực lưu chứa diện tích 20 m² tại phía Tây Nam dự án (xây dựng mới).

+ CTNH: bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 20m² tại phía Tây Nam dự án, có kết cấu đảm bảo đúng quy định (xây dựng mới).

- Định kỳ họp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng và hoạt động của dự án.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

a) Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thực hiện các giải pháp để giảm ồn, rung của thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

b) Giảm thiểu tác động đến hoạt động xung quanh khu vực dự án:

- Lắp đặt các biển báo, phao báo hiệu, cờ báo hiệu ranh giới khu vực thi công, nạo vét dự án.

- Trước khi triển khai, thông báo thời gian, thông tin thi công đến các đơn vị liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Cảng cá Bình Định, UBND thành phố Quy Nhơn, UBND phường Hải Cảng) để biết và giám sát.

- Thực hiện các giải pháp khắc phục sự cố nếu ảnh hưởng đến hoạt động tàu thuyền ra vào tại khu vực luồng.

c) Giảm thiểu chất thải rắn lơ lửng trong quá trình nạo vét.

Sử dụng phao chắn bùn xung quanh khu vực nạo vét của dự án để phòng ngừa phát tán chất thải rắn lơ lửng tác động đến các khu vực xung quanh. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố nếu chất thải rắn lơ lửng phát tán gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Xây dựng kè bao vây có chiều dài 793 m trước khi san lấp, không để tràn vật liệu san lấp làm bồi lấp dòng chảy ảnh hưởng đến hoạt động ra vào cảng của tàu cá.

+ Thực hiện thả phao báo hiệu ranh giới thi công, luồng sà lan chạy trong quá trình thi công dự án.

+ Hỗ trợ, đền bù thiệt hại về kinh tế nếu trong quá trình thi công nạo vét, san lấp làm ảnh hưởng đến hộ nuôi trồng thủy sản (nếu có).

- Giai đoạn hoạt động:

+ Lập kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu, triển khai nội dung cho toàn bộ công nhân viên làm việc tại Cảng.

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng cháy chữa cháy: bình chữa cháy cầm tay, hòm chữa cháy, bể chứa nước.

3.6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

Đối với các doanh nghiệp thuê kho bãi, mặt bằng có các hoạt động chưa được đánh giá trong nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của dự án thì phải lập hồ sơ môi trường riêng trước khi hoạt động.

4. Danh mục biện pháp bảo vệ môi trường chính của dự án

- 01 Bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 30 m³.

- 01 Khu vực lưu chứa rác thải sinh hoạt diện tích 20 m².

- 01 Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 20 m².

- 01 Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

- Giám sát môi trường nước biển trong quá trình thi công: 01 vị trí khu nước nạo vét sau bến; 01 vị trí khu nuôi trồng thủy sản khu vực Hải Minh. Các chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, DO, NH₄⁺, Fe, Pb, PO₄³⁻, Zn, As, dầu mỡ, Coliform. Tần suất giám sát: 2 tháng/lần. Quy chuẩn so sánh QCVN 10-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển ven bờ.

b) Trong giai đoạn vận hành dự án, Chủ dự án thực hiện chương trình giám sát môi trường: theo quy định hiện hành.